

## Quan hệ ngoại giao Mỹ - Trung Quốc về vấn đề địa vị pháp lý của Đài Loan trong thập niên 70 thế kỷ XX

The diplomatic relations between the US-China about Taiwan's legal status in the 1970s of the 20th century

Nguyễn Thế Hồng<sup>a\*</sup>, Trương Công Vĩnh Khanh<sup>a</sup>  
Nguyen The Hong<sup>a\*</sup>, Truong Cong Vinh Khanh<sup>a</sup>

<sup>a</sup>*Khoa Sư phạm Khoa học xã hội, Trường Đại học Đồng Tháp, Việt Nam*  
<sup>a</sup>*Faculty of Social Sciences Teacher Education, Dong Thap University, Vietnam*

(Ngày nhận bài: 14/11/2021, ngày phân biên xong: 23/12/2021, ngày chấp nhận đăng: 09/01/2022)

### Tóm tắt

Vấn đề Đài Loan xuất hiện sau cuộc nội chiến giữa Quốc Dân Đảng - Đảng Cộng sản Trung Quốc. Nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa thành lập (ngày 1/10/1949) và chiến tranh trên bán đảo Triều Tiên (1950 - 1953) bùng nổ nên Mỹ quyết định sử dụng Đài Loan để ngăn chặn sự ảnh hưởng của chủ nghĩa cộng sản tại châu Á. Chính yếu tố này là một trong những nguyên nhân đưa quan hệ Mỹ - Trung Quốc thù địch nhiều thập kỷ. Cuối những năm 60 thế kỷ XX xuất phát từ lợi ích quốc gia, Mỹ và Trung Quốc tiến hành đàm phán quan hệ ngoại giao, vấn đề Đài Loan trở thành nhân tố quan trọng và chi phối mối quan hệ hai nước. Bài viết phân tích một số nội dung sau: Thứ nhất, nguồn gốc vấn đề Đài Loan; thứ hai, vai trò của Đài Loan đối với Mỹ và Trung Quốc trong Chiến tranh Lạnh; thứ ba, nguyên nhân Đài Loan trở thành yếu tố quan trọng trong đàm phán quan hệ hai nước thập niên 70 thế kỷ XX. Hai phương pháp chính được sử dụng là phương pháp lịch sử và phương pháp logic, bên cạnh đó là một số phương pháp khác như phân tích - tổng hợp, so sánh. Tiếp cận nghiên cứu theo hệ thống - cấu trúc và địa - chính trị trong quan hệ quốc tế.

*Từ khóa:* Mỹ; Trung Quốc; đàm phán; ngoại giao; Đài Loan.

### Abstract

The issue about Taiwan arose after the civil war between Kuomintang - Communist Party of China. People's Republic of China establishment (1/10/1949) and the war in Korean peninsula (1950 - 1953) break out, so the US decided use Taiwan to prevent the influence of Communism in Asia. This factor was one of the reasons that makes the relations between US-China hostile in decades. In the late 1960s of the 20th century, driven from national interests the US and China negotiated diplomatic relations. The issue of Taiwan became an important factor and dominant in the US-China relations. The article analyzes some of the following points: first, the origin of Taiwan issue; second, Taiwan's roles with the US and China in the Cold War; third, the reason Taiwan became an important factor between the two countries' relation negotiations in the 1970s of the 20th century. The two main methods used are the historical and the logical ones, besides some other methods such as analysis - synthesis, comparison are adopted. Approaches to research are: systems-structural and geo-political in international relations.

*Keywords:* the US; China; negotiation; diplomacy; Taiwan.

\* *Corresponding Author:* Nguyen The Hong; Faculty of Social Sciences Teacher Education, Dong Thap University, Vietnam

*Email:* reaganusa1986@gmail.com

## 1. Đặt vấn đề

Trước khi chính thức bình thường hóa quan hệ với Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa (ngày 1/1/1979) thì Mỹ công nhận địa vị pháp lý của chính phủ Trung Hoa Dân quốc và tăng cường củng cố đồng minh bằng các hiệp ước quân sự và kinh tế. Tuy nhiên, sang thập niên 70 thế kỷ XX chính quyền Mỹ nhận thấy lợi ích lớn hơn khi quan hệ ngoại giao với Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa nên Mỹ hi sinh lợi ích đồng minh, đó là Trung Hoa Dân quốc. Nguyên nhân chuyển hướng ngoại giao của Mỹ là để thuận lợi trong đàm phán quan hệ và khai thác lợi ích kinh tế - chính trị từ Trung Quốc lúc bấy giờ. Ngày 25/10/1971, Mỹ biểu quyết để Liên Hợp Quốc thông qua Nghị quyết 2758 công nhận Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa là đại diện hợp pháp duy nhất của nhân dân Trung Quốc, đồng nghĩa là Trung Hoa Dân quốc chính thức bị khai trừ khỏi tổ chức quốc tế này. Nội dung bài viết phân tích nguồn gốc xuất hiện vấn đề Đài Loan; vị trí của Đài Loan đối với Mỹ và Trung Quốc trong Chiến tranh Lạnh ở châu Á; quá trình đàm phán địa vị pháp lý của Đài Loan trong thập niên 70 thế kỷ XX giữa hai nước.

## 2. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp lịch sử giúp tìm hiểu nguồn gốc vấn đề Đài Loan cũng như diễn tiến vấn đề này trong quan hệ Mỹ - Trung Quốc thập niên 70 thế kỷ XX. Phương pháp logic, tìm hiểu bản chất, đặc điểm vấn đề Đài Loan, từ đó có cơ sở phân tích, đánh giá tác động của vấn đề Đài Loan đối với quan hệ Mỹ - Trung Quốc trong Chiến tranh Lạnh ở châu Á. Bên cạnh đó, một số phương pháp khác được sử dụng như: Phương pháp phân tích, tổng hợp hỗ trợ trong việc tìm kiếm sự thay đổi về mức độ tác động cũng như hiệu quả của chủ thể tác động, đóng vai trò là đối tượng chính trong nghiên cứu. Phương pháp so sánh, ngoài việc được sử dụng để tìm kiếm sự khác biệt khi áp dụng các lý thuyết khác nhau tiếp cận tới đối tượng nghiên

cứu là yếu tố Đài Loan trong chính sách đối ngoại của Mỹ, Trung Quốc thập niên 70 thế kỷ XX còn giúp nhận ra các yếu tố chính, phụ trong nghiên cứu.

Về cách tiếp cận: Các cấp độ phân tích trong nghiên cứu lịch sử và quan hệ quốc tế nhằm tìm hiểu vai trò của yếu tố Đài Loan tác động đến quan hệ giữa Mỹ, Trung Quốc thập niên 70 thế kỷ XX. Cách tiếp cận hệ thống - cấu trúc làm rõ hoàn cảnh lịch sử xuất hiện vấn đề Đài Loan và sự tác động của vấn đề này đến quá trình đàm phán ngoại giao Mỹ - Trung Quốc. Cách tiếp cận địa - chính trị đó là sự nỗ lực để làm chủ hoặc khai thác không gian chiến lược, thông qua một kế hoạch tổng thể được đưa ra nhằm đạt đến các kết quả chính yếu và lâu dài dựa trên những đặc thù về địa lý. Nghiên cứu tìm hiểu vai trò địa - chiến lược của đảo Đài Loan trong quan hệ Mỹ - Trung Quốc thế kỷ XX.

## 3. Kết quả nghiên cứu

### 3.1. Nguồn gốc của vấn đề Đài Loan

Khi nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa ra đời, họ chọn chính sách ngoại giao “*nhất biên đảo*” ngã theo Liên Xô chống Mỹ. Để đối phó, Mỹ thi hành các biện pháp cô lập Trung Quốc như cấm vận kinh tế, không công nhận ngoại giao, phủ quyết vào Liên Hợp Quốc. Đỉnh cao là xung đột quân sự giữa hai nước tại bán đảo Triều Tiên (thời gian 1950 - 1953). Theo tài liệu được công bố bởi Bộ Ngoại giao Trung Hoa Dân quốc thì Trung Hoa Dân quốc ra đời năm 1912 (tại Trung Quốc Đại lục) và trở thành một phần của đế quốc Nhật Bản cho đến năm 1945 theo Điều ước Mã Quan (tên gọi khác là Hiệp ước Shimonoseki năm 1895) kí kết giữa chính quyền Mãn Thanh với Nhật hoàng. Vào giữa những năm 40 thế kỷ XX khi Chiến tranh thế giới thứ hai bước vào giai đoạn cuối với sự thắng lợi nghiêng về phía quân Đồng minh. Ngày 26/11/1943, cuộc họp tại thủ đô Cairo (Ai Cập) giữa Mỹ - Anh - Trung Quốc (đại diện là

Tường Giới Thạch) tuyên bố: “Tôn chỉ của ba nước tính từ bắt đầu đại chiến thế giới lần nhất năm 1914, lấy lại tất cả những đảo Nhật cướp hoặc chiếm đóng ở Thái Bình Dương, phần lãnh thổ của Trung Quốc do Nhật cướp được như Mãn Châu, Đài Loan, Bành Hồ... đều trả về cho Trung Quốc” [10]. Trong tuyên bố của Hội nghị Postdam (ngày 26/7/1945) và trong văn kiện đầu hàng của Nhật (ngày 2/9/1945) tái khẳng định các điều khoản trong bản tuyên ngôn Cairo phải được thực hiện. Chủ tịch tỉnh Đài Loan lúc này là Trần Nghi (Chen Yi) gửi một bản ghi nhớ tới Tổng đốc Nhật tại Đài Loan, trong đó có đoạn “với tư cách là Chủ tịch tỉnh Đài Loan của Trung Hoa Dân quốc,... tôi khôi phục lại toàn bộ lãnh thổ, con người, hành chính, chính trị, kinh tế, văn hóa và tài sản hợp pháp của Đài Loan (bao gồm quần đảo Bành Hồ)” [3].

Như vậy, trước năm 1949 không có sự tranh cãi về vị thế của Đài Loan bởi vì được mặc nhiên thừa nhận là một bộ phận, một tỉnh của Trung Quốc. Cho đến khi cuộc nội chiến giữa Quốc Dân Đảng với Đảng Cộng sản Trung Quốc khởi phát trở lại, những người cộng sản tuyên bố thành lập chính phủ mới, còn Quốc Dân Đảng phải di chuyển ra Đài Loan và sử dụng “thành nơi quyết chiến sau cùng giữa Quốc - Cộng” [10]. Vấn đề Đài Loan từ đây xuất hiện: “Chính phủ Trung Hoa Dân quốc dời sang Đài Loan vào năm 1949 sau cuộc nội chiến với Đảng Cộng sản Trung Quốc. Kể từ đó, Trung Hoa Dân quốc tiếp tục thực thi quyền tài phán đối với hòn đảo chính Đài Loan cùng một loạt các đảo nhỏ xung quanh, khiến Đài Loan và Trung Quốc mỗi bên nằm dưới sự điều hành quản lý của một chính phủ khác nhau. Chính quyền Bắc Kinh chưa bao giờ thực thi được chủ quyền đối với Đài Loan và các đảo khác hiện đang nằm dưới sự quản lý của Trung Hoa Dân quốc” [3].

Phía Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa trong bộ tài liệu công bố vào tháng 2/2000 “*Nguyên tắc một nước Trung Quốc và vấn đề Đài Loan*” do Cục Đài Loan vụ và Cục thông tin Hội đồng Nhà nước Trung Quốc khẳng định: “Ngày mùng 1 tháng 10 năm 1949, nhân dân Trung Quốc đã đạt được một thắng lợi to lớn trong cuộc các mạng dân chủ và đã thành lập nước Cộng hòa Nhân dân Trung Quốc. Phe Quốc Dân Đảng rút lui khỏi đất liền và cố thủ ở tỉnh Đài Loan thuộc Trung Quốc để đương đầu với chính phủ Trung ương với sự hỗ trợ của lực lượng nước ngoài. Đó là nguồn gốc vấn đề Đài Loan” [2]. Mặc dù không trực tiếp nêu “*sự hỗ trợ của lực lượng nước ngoài*” là nước nào nhưng nếu đặt trong bối cảnh lịch sử lúc bấy giờ đó chính là Mỹ.

Từ diễn tiến lịch sử thì chính sách của Mỹ đối với Trung Quốc có sự dao động theo biên độ đi từ can thiệp đến không can thiệp, cuối cùng thâm nhập sâu rộng vào tình hình chính trị nước này. Hệ quả đưa quan hệ Mỹ - Trung Quốc căng thẳng suốt hai thập niên xung quanh vấn đề chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ. Những chuyển biến trong bối cảnh cuộc Chiến tranh Lạnh cuối thập niên 60 gia tăng đưa quan hệ Mỹ - Trung Quốc đi đến bất tay hoà hoãn, một trong những điều kiện kiên quyết là Mỹ phải tôn trọng độc lập chủ quyền của Trung Quốc.

### **3.2. Vị trí của vấn đề Đài Loan đối với Mỹ và Trung Quốc**

*Đối với Mỹ:* Đài Loan là yếu tố quan trọng để thực hiện chiến lược toàn cầu tại châu Á trong bối cảnh Chiến tranh Lạnh. Đến trước khi Chiến tranh Triều Tiên bùng nổ, chính quyền Tổng thống Mỹ H.S.Truman chưa có chính sách rõ ràng về Đài Loan. Tuyên bố ngày 12/01/1950 của Ngoại trưởng Mỹ D.Acheson nhấn mạnh: “Tuyên phòng thủ của Mỹ ở Thái Bình Dương bắt đầu chạy từ Philippin qua quần đảo Ryukyu, trong đó có căn cứ quân sự Okinawa của Mỹ và chạy suốt lên phía Bắc

nước Nhật” [12]. Với tuyên bố này, đảo Đài Loan không nằm trong tuyến phòng thủ của Mỹ, mặc dù nước này vẫn có chính sách giúp đỡ chính quyền Tưởng Giới Thạch nhưng sự giúp đỡ đó “chẳng làm ai hài lòng cũng như chẳng có lợi ích gì cả” vì “ưu tiên của Mỹ là châu Âu và họ rất thận trọng không cam kết quá mức ở đâu cả” [12]. Khi cuộc Chiến tranh Lạnh khởi phát mạnh mẽ ở châu Á, Mỹ nhận thức: “Nếu Mỹ mất Nam Triều Tiên ở phía Bắc, phía Nam mất Đài Loan, Nhật Bản sẽ bị kẹp giữa Nam Bắc, Philippin và các nước chống cộng ở Đông Nam Á sẽ bị uy hiếp, phòng tuyến Tây Thái Bình Dương sẽ bị chặt thành mấy khúc” [10]. Trong báo cáo của Hội đồng An ninh quốc gia tháng 4/1953, Mỹ nhận định chế độ cộng sản ở Liên Xô đang liên minh chặt chẽ với Trung Quốc nhằm kiểm soát Mỹ và đe dọa thế giới tự do. Trong tài liệu mang tên “*Chiến lược để tăng cường sức mạnh và vị trí của Mỹ tại Viễn Đông*” tháng 4/1954 nhấn mạnh: nếu được hỗ trợ từ Liên Xô, thậm chí chỉ dựa vào bản thân Trung Quốc, nếu Mỹ không có khả năng chống đỡ, cộng sản Trung Quốc có thể chinh phục toàn bộ khu vực Đông Nam Á. Theo đó các nước không cộng sản ở Đông Á sẽ bị ảnh hưởng, mối đe dọa trực tiếp lúc này không phải từ Liên Xô đến mà từ phía Trung Quốc. Việc Mỹ triển khai quân đội ngoài khơi đảo Đài Loan nhằm xóa đi lo lắng này được thể hiện ngay khi Chiến tranh Triều Tiên bùng nổ vì quan ngại Trung Quốc sẽ chinh phục Đài Loan “bộ đội cộng sản chiếm lĩnh đảo Đài Loan sẽ uy hiếp trực tiếp đến an toàn của khu vực Thái Bình Dương và quân đội Mỹ có trách nhiệm thi hành chức vụ hợp pháp và cần thiết ở khu vực này” [10]. Năm 1954 tại Washington, Mỹ kí kết Hiệp ước quốc phòng với chính quyền Đài Loan. Trong quan điểm, Mỹ luôn tồn tại hai tư tưởng đối nhau, khái niệm vòng cung phòng vệ có thể bị sút mẻ nếu Trung Quốc chiếm được đảo Đài Loan, và nếu Mỹ tìm cách “bảo vệ” Đài Loan thì điều này sẽ gây thù

với Trung Quốc, do ngăn cản mục tiêu thống nhất đất nước của họ, chẳng khác đây Trung Quốc kết thân hơn với Liên Xô. Điều này trái với chính sách của Mỹ là tách Trung Quốc ra khỏi tầm ảnh hưởng Liên Xô. Từ khi Trung Quốc tham chiến trên bán đảo Triều Tiên, Mỹ cho rằng Chiến tranh Triều Tiên là một cái cớ mà nước này mong đợi từ lâu. Mỹ, Liên Xô, Trung Quốc trở thành những nước hậu thuẫn cho chính quyền Bắc Triều Tiên và Nam Triều Tiên. Ba năm sau cuộc chiến thì hội nghị quốc tế Genève khai mạc tháng 4/1954 nhằm giải quyết vấn đề chiến tranh ở Triều Tiên và Đông Dương. Kết quả hội nghị các nước chấp nhận hiện trạng phân chia tại bán đảo Triều Tiên và không can thiệp quân sự trực tiếp vào Đông Dương nhưng không có nghĩa là Mỹ đã rút lui khỏi châu Á.

*Đối với Trung Quốc:* Căn cứ vào các tư liệu lịch sử, Trung Quốc khẳng định đảo Đài Loan là một bộ phận không thể chia cắt của nước này. Thời Tam Quốc (năm 230), Tôn Quyền nhà Đông Ngô cử đội thuyền hàng vạn người đến Đài Loan. Từ thời nhà Tống, quần đảo Bành Hồ thuộc Đài Loan nhập vào bản đồ Trung Quốc. Năm 1335, nhà Nguyên chính thức đặt Tuần Kiểm Tư tại Bành Hồ để quản lý dân chính của Bành Hồ và đảo Đài Loan. Từ đó, Trung Quốc bắt đầu đặt cơ quan chính quyền chuyên trách tại Đài Loan. Đài Loan trở thành thuộc địa của thực dân Hà Lan đến trước năm 1662, tướng nhà Minh là Trịnh Thành Công đem quân giành lại. Năm 1683 nhà Thanh đánh chiếm đảo Đài Loan sau khi đàn áp được phong trào “*phản Thanh phục Minh*”, đến năm 1885 nhà Thanh nâng cấp Đài Loan thành tỉnh Đài Loan. Sau cuộc chiến tranh Trung - Nhật (1894 - 1895), nhà Thanh phải kí Điều ước Mã Quan nhượng Đài Loan cho Nhật, chính thức trở thành thuộc địa của phát xít Nhật cho đến năm 1945. Ngày 15/8/1945 khi Nhật tuyên bố đầu hàng quân Đồng minh cũng là lúc Trung Quốc tiếp nhận sự đầu hàng của nước này: “Từ

ngày hôm nay trở đi các đảo thuộc Đài Loan và Bán Hồ chính thức sáp nhập vào bản đồ Trung Quốc. Tất cả đất đai, nhân dân, chính sự điều hành dưới chủ quyền Trung Quốc” [10], giai đoạn này Quốc Dân Đảng tiếp quản Đài Loan. Ngay sau khi nội chiến trên đất liền kết thúc, Đảng Cộng sản Trung Quốc cho rằng cần phải thu hồi hòn đảo dưới quyền quản lí của họ. Trung Quốc phản đối mọi hành động cản trở sự nghiệp thống nhất Tổ quốc. Trong cuộc họp Hội đồng Bảo an Liên Hợp Quốc ngày 20/09/1950, Mỹ yêu cầu đem vấn đề Đài Loan ra thảo luận (lúc này Mỹ đang hỗ trợ cho Quốc Dân Đảng xây dựng chính quyền để tiếp tục nội chiến với Đảng Cộng sản Trung Quốc). Trung Quốc phản đối mạnh mẽ việc Hạm đội 7 của Mỹ có mặt ven biển Đài Loan, coi đây là hành động trực tiếp can thiệp vào công việc nội bộ và Hội đồng Bảo an Liên Hợp Quốc không có quyền đem vấn đề Đài Loan ra thảo luận trong bất kì trường hợp nào khác. Tháng 12/1954 Hiệp ước Phòng thủ chung được kí kết giữa Mỹ - Trung Hoa Dân quốc, phía chính quyền Đảng Cộng sản Trung Quốc lên án đây là một sự xâm phạm chủ quyền, là hành động khiêu chiến, hiệp ước phi pháp và không có hiệu lực.

### **3.3. Đàm phán của Mỹ và Trung Quốc về vấn đề Đài Loan**

Thời kì Tổng thống Richard Nixon đương quyền, Mỹ có sự chuyển biến trong chính sách ngoại giao với Trung Quốc theo hướng cởi mở hơn. Một vấn đề lớn đặt ra cho Tổng thống R.Nixon là phải giải quyết được mối quan hệ với hai chính phủ Trung Quốc đang tồn tại. Ngày 9/7/1971, Cố vấn An ninh Quốc gia Mỹ là H.Kissinger bí mật đến Trung Quốc và đưa ra các điểm để giải quyết vấn đề Đài Loan, trong đó nổi bật là dự định: Sau khi Chiến tranh Đông Dương kết thúc sẽ rút 2/3 quân số ra khỏi đảo và sẵn sàng giảm bớt lực lượng quân sự còn lại ở đây theo tiến trình cải thiện quan hệ hai nước. Trong cuộc vận động bình thường

hóa quan hệ, phía Mỹ chấp nhận một số điều kiện làm hài lòng Trung Quốc xem như đó là thiện chí. Việc chấp nhận để Đài Loan bị trục xuất khỏi tổ chức Liên Hợp Quốc là một sự nhượng bộ của Mỹ, với Nghị quyết 2758 ngày 25/10/1971 của Đại Hội đồng đã đưa Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa chính thức đại diện hợp pháp và duy nhất cho toàn thể nhân dân Trung Quốc. Đây là một thắng lợi quan trọng mang ý nghĩa ngoại giao dù Mỹ có chấp nhận hay không thì đối với Trung Quốc đó là một sự thật hiển nhiên. Chiến lược toàn cầu trong Chiến tranh Lạnh Mỹ triển khai luôn gây sự “bất bình, phản ứng” của các nước vì dựa trên giá trị, hòa bình, dân chủ kiểu Mỹ mang tính áp đặt, can thiệp vào công việc nội bộ của nước khác. Việc giành thắng lợi trên trường quốc tế về vấn đề Đài Loan chưa thể đảm bảo sự toàn vẹn lãnh thổ, vì Trung Quốc nhận thức Mỹ không dễ dàng chấp nhận.

Trong một tuần thăm Trung Quốc của Tổng thống Mỹ R.Nixon (từ ngày 21/2 đến ngày 28/2/1972), Trung Quốc luôn yêu cầu Mỹ cam kết bằng văn bản về vấn đề Đài Loan để có giá trị pháp lí hơn và là cơ sở để Mỹ không thể đơn phương can thiệp vào mối quan hệ giữa hai bờ eo biển. Thông cáo Thượng Hải năm 1972 là ghi nhận cuối cùng sau tuần lễ hội đàm giữa đại diện cấp cao hai nước, trong đó vấn đề Đài Loan lần lượt được xác nhận là tranh chấp lâu dài nghiêm trọng giữa Trung Quốc và Mỹ. Trong thông cáo, Trung Quốc tái khẳng định: Vấn đề Đài Loan là vấn đề cản trở việc bình thường hóa quan hệ giữa hai bên, chính phủ Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa là chính phủ hợp pháp duy nhất của người Trung Quốc; Đài Loan là một tỉnh của nước này trong một thời gian dài đã trở về quê hương; việc giải quyết vấn đề Đài Loan là việc nội bộ, không quốc gia nào có quyền can thiệp, tất cả các lực lượng quân sự Mỹ phải rút khỏi hòn đảo này. Điều quan trọng của tuyên cáo, chính phủ Trung

Quốc kiên quyết phản đối bất kì hoạt động nào nhằm tạo ra một nước Trung Quốc, một nước Đài Loan hay một nước Trung Quốc hai chính phủ hay chủ trương tình trạng của đảo Đài Loan là không xác định. Phía Mỹ bày tỏ: Mỹ xác nhận rằng tất cả người Trung Quốc ở hai bên bờ eo biển Đài Loan chỉ có một nước Trung Quốc, Đài Loan là một bộ phận của Trung Quốc, chính phủ Mỹ sẽ không thách thức vị trí đó; tái khẳng định giải quyết vấn đề Đài Loan trong hòa bình, chính phủ Mỹ sẽ rút toàn bộ lực lượng vũ trang và các thiết bị quân sự của Mỹ ra khỏi Đài Loan khi vấn đề được giải quyết một cách hòa bình trong tương lai. Trong thời gian này, Mỹ sẽ giảm dần lực lượng quân sự cùng các căn cứ ra khỏi Đài Loan để giảm sự căng thẳng trong khu vực. Mặc dù, Thông cáo năm 1972 được nhận định mang tính không rõ ràng nhưng đánh dấu sự kết thúc chính sách ngăn chặn của Mỹ đối với Trung Quốc và đạt được một số thỏa thuận đầu tiên chính thức về giải pháp Đài Loan, thay đổi cách can thiệp của Mỹ vào công việc nội bộ của Trung Quốc từ sau cuộc Chiến tranh Triều Tiên.

Vấn đề Đài Loan được khai thông là một thành công ngoại giao của Trung Quốc nhưng đối với Mỹ lại gây ra những chia rẽ trong nội các “một khi chúng ta bán rẽ (Đài Loan) cho Trung Quốc thì chẳng có bất kì sự khác biệt nào” và “Bản thông cáo tượng trưng cho một sự công nhận không chính thức về chính quyền cộng sản, nó là một sự phản bội đối với Đài Loan” [11]. Đây không phải là lần đầu tiên những người có tư tưởng chống việc Mỹ - Trung Quốc thỏa thuận liên quan đến địa vị pháp lí của Đài Loan mà ngay sau khi có kết quả bỏ phiếu “trục xuất” Đài Loan khỏi Liên Hợp Quốc đã có sự phản ứng mạnh mẽ từ phe ủng hộ Đài Loan.

Sau khi R.Nixon từ chức bởi vụ bê bối chính trị Watergate, Phó Tổng thống G.Ford lên thay, tiến trình khởi động bình thường hóa quan hệ

với Trung Quốc được tiếp tục nhưng trong chuyến thăm Trung Quốc tháng 12/1975 của G.Ford thì “về việc giải quyết vấn đề Đài Loan, hai bên không nêu ra sáng kiến gì mới” [7]. Vì hai nước không kí kết văn kiện hay ra tuyên bố chung vì vậy chuyến công du của G.Ford “không mất cái gì mà cũng chẳng được cái gì” [7]. Trước đó vào tháng 11/1975, H.Kissinger đến Trung Quốc đưa ra phương án giải quyết vấn đề Đài Loan theo “*phương thức Nhật Bản*”, cụ thể: Mỹ sẽ đồng ý sau đó rút hết quân đội tại đảo Đài Loan cuối năm 1977, xem xét Hiệp ước Phòng thủ Mỹ - Đài Loan nếu Trung Quốc tuyên bố giải quyết vấn đề trong hòa bình và Mỹ sẽ lập một phòng liên lạc tại hòn đảo này trong quá trình mở cửa Đại sứ quán tại Bắc Kinh. Cho thấy, một bộ phận giới chức Mỹ vẫn có tư tưởng “Hiệp ước Phòng thủ chung với Đài Loan có thể sẽ mất tính hiệu lực pháp lí sau khi Washington phá vỡ quan hệ với Đài Bắc và do đó Mỹ sẽ không còn cơ sở pháp lí nào để can thiệp vào một cuộc xung đột ở Đài Loan” do vậy, “an ninh của Đài Loan sẽ có thể phải dựa chủ yếu trên các tuyên bố” [11]. Trung Quốc tiếp tục thể hiện thái độ kiên quyết trong đàm phán và lên án việc thiết lập văn phòng liên lạc tại Đài Loan chẳng khác nào vẫn duy trì phương thức một Đài Loan, một Trung Quốc. Vì thế Trung Quốc dứt khoát không thể chấp nhận. Vấn đề Hiệp ước Phòng thủ chung Mỹ - Đài Loan cũng cần phải xóa bỏ theo nguyên tắc của Thông cáo Trung - Mỹ. Sau khi Mỹ cắt đứt quan hệ ngoại giao, xóa bỏ hiệp ước với Đài Loan, rút quân, vấn đề Đài Loan nên để cho người Trung Quốc tự giải quyết, đó là công việc nội bộ của Trung Quốc, giải quyết theo phương thức nào cũng là công việc của người Trung Quốc. Đây là điệp khúc nhắc nhở mà Trung Quốc luôn muốn Mỹ thực hiện nghiêm chỉnh về vấn đề liên quan đến Đài Loan. Như vậy, quan điểm về một giải pháp cho tương lai Đài Loan tiếp tục bị bỏ ngỏ và “đường như Mỹ vẫn cần Đài Loan” [11].

Từ R.Nixon đến G.Ford đều tồn tại ý muốn trong nhiệm kỳ của họ sẽ thực hiện trọn vẹn việc thiết lập quan hệ đầy đủ với Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa nhưng lịch sử diễn ra với nhiều thăng trầm làm cho dự tính không đạt được. Tổng thống J.Carter trên cơ sở kế thừa, tiếp nối nền tảng mà các tổng thống trước tạo dựng, thực hiện hoàn chỉnh việc bình thường hóa quan hệ với Trung Quốc. Trải qua một số cuộc tiếp xúc, cuối cùng hai bên đi đến tuyên bố chung cho vấn đề luôn gây tranh cãi - Đài Loan. Trước đó, Mỹ đưa ra điều kiện “sau khi bình thường hóa quan hệ Trung - Mỹ, phải đảm bảo không để ảnh hưởng đến các quan hệ mậu dịch, đầu tư, thương mại... giữa Mỹ và Đài Loan và cho phép quan chức Mỹ tiếp tục ở lại Đài Loan theo sự dàn xếp phi chính thức” [7]. Trung Quốc chấp nhận và yêu cầu Mỹ phải “*có đi, có lại*” đồng ý các điều kiện quan trọng. Ngày 01/01/1979 hai bên chính thức thiết lập quan hệ đầy đủ. Ba mươi năm (1949 - 1979) tranh cãi về vị thế của Đài Loan có sự ngã ngũ bởi chính sách ngoại giao đầy toan tính của Mỹ và Trung Quốc.

#### 4. Thảo luận

*Thứ nhất, vai trò lớn nhất của đảo Đài Loan chính là vị trí địa - chính trị ở khu vực Đông Á vì thế cả Mỹ và Trung Quốc đều muốn chiếm giữ.* Nằm cách đất liền Trung Quốc khoảng 100 dặm ngoài biển, từ những năm 40 thế kỷ XX một số nhà chiến lược quân sự Mỹ xếp Đài Loan là một phần của tuyến phòng thủ từ Aleutian (thuộc bang Alaska) đến Việt Nam, chắn ngang tuyến đường biển từ Bắc Á. Hàng loạt các cam kết viện trợ quân sự, kinh tế từ Mỹ góp phần xây dựng nền chính trị ở đây như một chính thể độc lập, chính quyền Đài Loan tận dụng tối đa sự viện trợ này để xây dựng lực lượng chờ thời cơ phản công Đảng Cộng sản Trung Quốc giành quyền lãnh đạo toàn đất nước.

*Thứ hai, vai trò và địa vị quốc tế của Đài Loan thay đổi khi Mỹ và Trung Quốc “bắt tay”*

*do tác động cục diện Chiến tranh Lạnh và lợi ích quốc gia chi phối.* Những năm 70 thế kỷ XX liên minh Mỹ - Tưởng bị xói mòn bởi nhiều yếu tố, trong đó đặc biệt “bản chất” của đối thủ là cơ sở để một liên minh tự nhiên suy yếu. Quá trình này bắt đầu từ những năm 70 khi Mỹ công khai chủ động thay đổi chính sách ngoại giao đối với Đảng Cộng sản Trung Quốc, từ trạng thái bao vây không cô lập thay bằng chính sách đàm phán dù thời gian này hai nước chưa công khai. Vì vậy khi Mỹ - Trung Quốc tuyên bố gỡ gỡ chính thức, Đài Loan là yếu tố bị tác động rõ nét nhất từ sự bình thường hóa quan hệ này. Sau chuyến thăm bí mật của Cố vấn An ninh Quốc gia Mỹ là H.Kissinger đến Trung Quốc năm 1971, sau đó là năm 1972 của Tổng thống R.Nixon, chính quyền Đài Loan phản ứng với thái độ “phần nộ, khó hiểu và kinh ngạc” và “Mỹ phải chịu trách nhiệm và mọi hậu quả nghiêm trọng do hành động đó gây ra” [10]. Đây là một phản ứng thể hiện sự phản đối hành động của Mỹ khi sử dụng Đài Loan như lá bài trao đổi ngoại giao, dù phía Mỹ cam kết rằng việc cải thiện quan hệ với Trung Quốc không phải đổi bằng cái giá “hi sinh” bạn bè cũ (tức Đài Loan) nhưng sau đó là khẳng định: Đây là chuyện Mỹ phải làm vì điều này không thể tránh được. Trong Thông cáo Thượng Hải “địa vị của Đài Loan chưa xác định rõ ràng” nhưng nó đã trở thành những năm “đáng nhớ” đối với chính quyền Đài Loan, những sự kiện liên tục diễn ra tạo nên các trạng thái tâm lý hi vọng tách khỏi Trung Quốc trở nên xa vời; trạng thái quốc tế bị cô lập - năm 1970, 53 quốc gia công nhận Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, 68 nước công nhận Trung Hoa Dân quốc; đến năm 1977 là 111 và 23. Xói mòn trong quan hệ với đồng minh Mỹ, Đài Loan trở thành “kẻ quan sát” sự cải thiện trong quan hệ giữa “kẻ thù cay đắng nhất với đồng minh thân cận nhất” của mình. Để hạn chế trạng thái bị cô lập, Đài Loan xúc tiến ngoại giao mong muốn tạo nên các liên minh, như tiến hành đàm phán với Liên

Xô “muru toan dùng con bài Liên Xô để dọa Mỹ” [10], Đài Loan tìm đến Liên Xô như một sự cứu cánh những khó khăn mà họ đối mặt.

*Thứ ba, chính quyền Mỹ thực thi chính sách nước đôi trong quan hệ với Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa và Trung Hoa Dân quốc.* Theo Thông cáo năm 1972 cam kết với Trung Quốc, Mỹ bắt đầu thực hiện lộ trình giảm quan hệ với Đài Loan. Dưới hai thời Tổng thống R.Nixon và G.Ford quan hệ giữa Mỹ và Trung Quốc không ngừng được cải thiện, thể hiện rõ nét nhất là trong khoảng thời gian 1972-1979, Mỹ tuyên bố: “Tháng 7/1973 rút khỏi Đài Loan đại đội vận tải hàng không chiến thuật 347 gồm 3000 lính không quân và máy bay và dự định đến tháng 3/1976 thì rút toàn bộ” [10]. Đường như mối quan hệ Mỹ - Đài Loan - Trung Quốc chưa bao giờ đi đến hồi kết, việc Mỹ tiếp tục hỗ trợ cho Đài Loan cho thấy Mỹ muốn quan hệ với cả hai. Do vậy, viện trợ cho Đài Loan vẫn được duy trì, đến tháng 12/1977 “*Hội đồng kinh tế Mỹ - Đài Loan*” được thiết lập. Trung Quốc hiểu rõ sự mập mờ về thái độ của Mỹ trong các cam kết về mối quan hệ giữa hai bờ eo biển. Đến năm 1978, quan hệ Mỹ - Liên Xô căng thẳng trở lại sau một loạt các sự kiện tác động đưa thế giới bước vào thời kỳ không ổn định, Mỹ quyết định bình thường hóa chính thức với Trung Quốc, ba điều kiện giải quyết vấn đề Đài Loan theo “*phương thức Nhật Bản*” được Mỹ chấp nhận. Ngày 1/1/1979 trên văn bản pháp lí Mỹ chính thức cắt đứt quan hệ với Đài Loan, tiếp tục tạo nên những phản ứng mạnh mẽ từ chính quyền Đài Loan (hơn cả năm 1972) và cả phe phái thân Đài Loan trong chính quyền. Đại diện Đài Loan là Tưởng Kinh Quốc bày tỏ thái độ: “Đó là điều không thể tưởng tượng được, nó không chỉ gây tổn thất lớn lao cho nước tôi mà còn là một sự bôi nhọ lớn lao, vừa thất tín với nước tôi, cũng thất tín với thế giới, sau này không còn đồng minh nào tin ở Mỹ nữa” và “bất kì trên góc độ nào, hành động

này của Mỹ cũng gây tổn thất lớn lao cho sự tự do của nhân loại và các chế độ dân chủ. Chắc chắn sẽ bị nhân dân yêu chuộng tự do, dân chủ các nơi trên thế giới lên án” [10]. Đó là hành động “đôi trá, miệt thị Hiến pháp và Quốc hội Hoa Kỳ và bán rẻ Đài Loan” [11]. Bản thân Tổng thống J.Cater bị chỉ trích: “Quyết định của Cater như một sự bán rẻ an ninh của Đài Loan, một hành động làm suy giảm lòng tin về người Mỹ trên thế giới và làm đen tối triển vọng hòa bình” [11]. Đạo luật quan hệ với Đài Loan (TRA) ra đời như một biện pháp để xoa dịu Đài Loan của Mỹ với các cam kết: Bất kì nỗ lực để xác định tương lai của Đài Loan bằng cách khác so với phương pháp hòa bình, kể cả cầm vận hay tẩy chay sẽ là một mối đe dọa đến hòa bình và an ninh khu vực Tây Thái Bình Dương và là mối quan ngại trầm trọng đối với Mỹ, Mỹ sẽ duy trì năng lực để chống lại việc sử dụng vũ lực hay các hình thức cưỡng chế mà có thể gây nguy hiểm cho an ninh hoặc hệ thống xã hội, kinh tế của người dân Đài Loan. Đài Loan được cung cấp vũ khí để duy trì một khả năng tự vệ đầy đủ, Tổng thống và Quốc hội Mỹ sẽ quyết định cung cấp cho Đài Loan các hàng quốc phòng và các hậu cần phòng thủ với số lượng cần thiết cho phép hòn đảo này có thể duy trì khả năng tự vệ đầy đủ.

*Thứ tư, yếu tố Liên Xô và cuộc chiến tranh ở Việt Nam có tác động nhất định đến việc Mỹ và Trung Quốc sử dụng vấn đề Đài Loan trong đàm phán ngoại giao thập niên 70 thế kỷ XX*

Thập niên 60 thế kỷ XX mâu thuẫn Liên Xô - Trung Quốc khởi phát mạnh mẽ: “Dựa vào thực tế mà Liên Xô và Trung Quốc hiện nay, dường như nhìn về nhau với sự thù địch hơn là đối với Mỹ và sử dụng các mối quan hệ của mình với Mỹ như một cách thức đánh bại chính sách của kẻ thù” [11]. Marshall Green - Đại sứ Mỹ tại Indonesia năm 1967 phát biểu: “Nếu Mỹ muốn chống lại sức mạnh của Liên Xô cần thiết phải sử dụng Trung Quốc” và “con đường tới



Moscow nằm xuyên qua Bắc Kinh” [11]. Đầu năm 1969 H.Kissinger nêu về khả năng rạn nứt Xô - Trung khi cho rằng “*không thể bỏ qua*” nếu xảy ra thì Mỹ nên tận dụng cơ hội đó. Những động thái ngoại giao thời R.Nixon cho thấy Mỹ sẵn sàng tìm bất kỳ cơ hội nào có thể đàm phán quan hệ ngoại giao với Trung Quốc. Từ việc chỉ chú tâm trong cuộc chiến tại Đông Dương, Mỹ chuyển hướng sang Trung Quốc vì trong nhận thức điều tồi tệ nhất xảy ra với Mỹ nếu Liên Xô chiếm được Trung Quốc. Việc thay đổi chính sách ngoại giao với Trung Quốc, giúp Mỹ lấy lại hình ảnh cường thịnh một thời: “So với địa vị mà chúng ta có được sau khi kết thúc Chiến tranh thế giới thứ hai không lâu, nước Mỹ đang gặp phải những thách thức mà thậm chí cho đến năm mơ cũng không nghĩ ra, xét từ góc độ kinh tế, nước Mỹ không là quốc gia đứng đầu thế giới nữa và cũng chỉ không còn có hai siêu cường... ngày nay trên thế giới có 5 trung tâm lực lượng mới, đó là Mỹ, Tây Âu, Liên Xô, Trung Quốc đại lục, tất nhiên còn Nhật Bản” [6]. Phía Trung Quốc ý thức được là nước yếu trong các cuộc xung đột với Liên Xô, vì thế đàm phán với Mỹ là biện pháp để gây ra sự mất cân bằng cho Liên Xô, khuyến khích sự căng thẳng Xô - Mỹ. Từ quan điểm này, Mỹ kết luận mối đe dọa bởi Liên Xô sẽ nhắc nhở Trung Quốc cần dành vị trí ưu tiên trong chính sách đối ngoại với Mỹ.

Sau sự kiện Mậu Thân 1968, Mỹ buộc phải chấp nhận ngồi vào bàn đàm phán để lập lại hòa bình tại Đông Dương và Việt Nam. Trong quá trình đàm phán với Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (VNDCCH) thì Mỹ đưa ra nguyên tắc “*có đi, có lại*” nếu muốn xuống thang chiến sự. Biết rõ ý đồ của Mỹ nên VNDCCH không chấp nhận những điều kiện mang tính bất lợi cho công cuộc thống nhất đất nước. Để đạt được điều kiện đưa ra, một mặt Mỹ tiếp tục tăng cường hoạt động quân sự, gây áp lực trên bàn đàm phán, mặt khác ra sức vận động ngoại giao, nhất là đối với các nước hậu thuẫn cho

VNDCCH, bằng sức ép buộc chính phủ VNDCCH phải chấp nhận các giải pháp đàm phán do Mỹ đề xuất. Với phương châm “*sức mạnh tăng cường - sức ép tối đa*” sẽ buộc đối phương chấp nhận tham vọng của Mỹ trên cả chiến trường và trên bàn hội nghị, R.Nixon đi một nước cờ mới mà trong 23 năm trước đó (1949 - 1972) chưa một Tổng thống Mỹ nào nghĩ đến là “*dùng con bài Bắc Kinh hòng chiêu tướng Hà Nội*” [5]. Trong một cuộc gặp với Thứ trưởng ngoại giao Trung Quốc Kiều Quan Hoa tại New York ngày 13/11/1972, H.Kissinger chuyển lời “*nếu các giới lãnh đạo Bắc Việt có tầm nhìn xa, thì họ nên đồng ý với Mỹ đưa ra trên bàn đàm phán, còn không, Hoa Kỳ sẽ ném bom*” [11].

Như vậy, từ khi xuất hiện năm 1949 đến cuối thập niên 60 thế kỷ XX, vấn đề Đài Loan trở thành một trong nhiều yếu tố ảnh hưởng đến chính sách đối ngoại giữa Mỹ và Trung Quốc, tạo nên mối quan hệ xuyên suốt đôi đầu và căng thẳng. Khi R.Nixon lên cầm quyền thì cũng là lúc Mỹ đang bế tắc trong cuộc chiến tranh tại Việt Nam và Đông Dương; Liên Xô - đối thủ chính của Mỹ ngày càng lớn mạnh; các đồng minh Tây Âu, Nhật Bản trở thành những thế lực cạnh tranh ảnh hưởng... Tất cả buộc Mỹ phải linh hoạt trong đường lối ngoại giao để từng bước thoát khỏi khó khăn nhằm khẳng định vị trí siêu cường khối tư bản chủ nghĩa. Bên cạnh đó, Trung Quốc cũng gặp nhiều khó khăn trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội và mối quan hệ với khối xã hội chủ nghĩa gặp nhiều trở ngại. Xuất phát từ nhận thức lợi ích quốc gia là quan trọng, Mỹ và Trung Quốc chấp nhận gạt qua hiềm khích, đàm phán quan hệ ngoại giao và yếu tố Đài Loan trở thành “*nút thắt*” quan trọng.

## 5. Kết luận

Sự biến chuyển trong quan hệ quốc tế cuối thập niên 60 thế kỷ XX tác động đến hòa hoãn Mỹ - Trung Quốc, mở đầu bằng sự kiện ngoại giao bóng bàn năm 1971. Đây được xem là thời

kỳ chuyên tiếp từ trật tự thế giới hai cực sang trật tự thế giới đa cực, đa trung tâm với sự xuất hiện rõ dần tam giác chiến lược Mỹ - Xô - Trung. Chuyên thăm của Tổng thống R.Nixon (tháng 2/1972) với Thông cáo Thượng Hải được thông qua là một bước đột phá trong quan hệ Mỹ - Trung Quốc. Đài Loan luôn trong chương trình nghị sự giữa Trung Quốc và Mỹ, là nút thắt trọng tâm để hai nước tháo gỡ đi đến tiếp xúc, đàm phán quan hệ ngoại giao (1972 - 1979).

Từ năm 1949 đến nay chưa bao giờ có một giải pháp mang lại sự đồng thuận đi đến thống nhất đất nước giữa hai bờ eo biển. Vì vấn đề Đài Loan có liên quan đến nước thứ ba, cụ thể là Mỹ. Mỹ trở thành đồng minh và nhận bảo trợ cho Đài Loan từ khi vấn đề này xuất hiện. Mỹ thi hành chính sách hai mặt, một mặt cản trở Trung Quốc thống nhất Đài Loan, mặt khác không muốn Đài Loan độc lập. Những đạo luật hay hợp đồng mua bán vũ khí với Đài Loan là những “khối u” ác tính trong mối quan hệ Mỹ - Trung Quốc. Do vị trí địa chiến lược quan trọng của Đài Loan nên Mỹ sử dụng Đài Loan để kiềm chế Trung Quốc khiến mối quan hệ của nước này với Trung Quốc luôn diễn biến phức tạp, tác động đến tình hình an ninh, ổn định ở khu vực và thế giới. Những năm gần đây tình hình an ninh tại khu vực châu Á - Thái Bình Dương luôn bất ổn với những tranh chấp lãnh thổ, lãnh hải trên biển Hoa Đông, Biển Đông, vấn đề hạt nhân trên bán đảo Triều Tiên, gần đây là vấn đề dân chủ và nhân quyền ở Hồng Kông, Tân Cương, Tây Tạng (thuộc Trung Quốc)... góp phần nâng tầm giá trị ở điểm, khu vực có vị thế an ninh chiến lược. Nước nào thôn

tính được Đài Loan thì có thể chứng tỏ sức mạnh ở khu vực Viễn Đông, có thể tự do đi lại trên vùng phía Tây Thái Bình Dương rộng lớn và có thể tiến hành các cuộc tấn công cơ động trên quy mô lớn nếu chiến sự xảy ra trong khu vực.

### Tài liệu tham khảo

- [1] T.Arai, S.Goto, Z.Wang. (2013), Clash of National Identities: China, Japan, and the East China Territorial Dispute, Wilson Center, [http://www.wilsoncenter.org/sites/default/files/asia\\_china\\_seas\\_web.pdf](http://www.wilsoncenter.org/sites/default/files/asia_china_seas_web.pdf), truy cập ngày 10/10/2021.
- [2] P. Bằng. (2001), Những sự kiện quan trọng trong quan hệ Mỹ - Trung Quốc, Nxb Trẻ.
- [3] Bộ Ngoại giao Trung Hoa Dân quốc. (2020), Một thoáng Đài Loan 2020 - 2021, Nxb China Color Printing Co., Inc. Đài Loan.
- [4] Mc.Cormick. (2004), Nước Mỹ nửa thế kỉ chính sách đối ngoại của Hoa Kỳ trong và sau chiến tranh lạnh, Nxb Chính trị Quốc gia.
- [5] G.C.Herring. (2004), Cuộc chiến dài ngày của nước Mỹ và Việt Nam (1950 - 1975), Nxb Công an Nhân dân.
- [6] T.T.Khai. (2003), Nội Tình 200 năm Nhà Trắng, Nxb Văn hóa Thông tin.
- [7] L.Kiến. (2008), Trung - Xô - Mỹ cuộc đối đầu lịch sử, Nxb Thanh niên.
- [8] L.Maizland. (2021), Why China-Taiwan Relations Are So Tense, <https://www.cfr.org/background/china-taiwan-relations-tension-us-policy>, May 10, 2021, 1:45pm.
- [9] A. Panda. (2016), US Sanctions Against China Over the East and South China Seas: A Serious Proposal? Available through, Accessed, truy cập ngày 16/10/2021.
- [10] H.G.Thụ. (1994), Đài Loan tiến trình hóa rồng, Nxb Văn hóa Thông tin.
- [11] P.Tyler. (2008), Một thiên lịch sử sáu đời tổng thống Mỹ - Trung, Nxb Công an Nhân dân.
- [12] M.Yahuda. (2006), Các vấn đề chính trị quốc tế ở Châu Á, Thái Bình Dương, Nxb Văn học.